

Phụ lục II:
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án thành phần "DATP 2 Nâng cấp, cải tạo Phân hiệu Trường Cao đẳng
Nông nghiệp Nam Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh"
thuộc dự án "Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực
Thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nguyên"
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-XD ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	55.000.000
I	Chi phí xây dựng	37.042.097
1	Nhà làm việc hiệu bộ	23.657.759
2	Nhà xưởng thực hành	11.202.645
3	Hạ tầng kỹ thuật	1.869.516
4	Phá dỡ	213.345
5	Chống mối	98.832
II	Chi phí thiết bị	3.723.592
1	Nhà làm việc hiệu bộ	3.201.835
2	Nhà xưởng	72.000
3	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy	449.757
III	Chi phí quản lý dự án	1.056.239
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	18.000
2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	1.038.239
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.973.156
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	714.496
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	11.000
2	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	3.880
3	Chi phí khảo sát địa hình	34.987
4	Chi phí khảo sát địa chất	375.527
5	Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	307.373
6	Chi phí giám sát khảo sát	16.716
IV.2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	2.258.660
1	Chi phí khảo sát địa chất TKBVTC (nếu cần)	187.764
2	Chi phí thiết kế BVTC, dự toán	940.869

TT	Hạng mục	Thành tiền
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	53.341
4	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	51.118
5	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	86.679
6	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị	10.463
7	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	8.640
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	40.766
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị	5.623
10	Chi phí giám sát khảo sát TKBVTC (nếu cần)	7.646
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	826.780
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	26.735
13	Thí nghiệm nén tĩnh cọc	200.000
V	Chi phí khác	601.409
1	Phí thẩm định báo cáo NCKT	5.993
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	10.853
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng	10.409
5	Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	20.003
6	Bảo hiểm công trình xây dựng	44.451
7	Kiểm tra công tác nghiệm thu	150.000
8	Chi phí kiểm toán	274.450
9	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	85.250
VI	Chi phí dự phòng	9.603.507
1	Cho khối lượng, công việc phát sinh	4.839.649
2	Cho yếu tố trượt giá	4.763.858